

TOÀ ÁN ND Q.SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Bản án số: **32/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 05.9.2022
V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thanh Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lệ Thủy và ông Nguyễn Văn Dich
- *Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân* - Thư ký Toà án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh* - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01.8.2022, quyết định hoãn phiên tòa số 81/2022/QĐST-HN ngày 16.8.2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Cẩm C; sinh năm: 1994; Hộ khẩu thường trú: thôn Mỹ Tân, xã ĐP, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam. có mặt

* **Bị đơn:** Ông Phan Văn X; năm: 1980; Hộ khẩu thường trú: K43/17 Phó Đức Chính, phường MT, quận S, Đà Nẵng. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm C trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: tôi và ông Phan Văn X kết hôn vào ngày 12.4.2021 có đăng ký kết hôn tại UBND phường MT, quận S, TP. Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại K43/17 Phó Đức Chính, phường MT, quận S, TP Đà Nẵng.

Tháng 8 năm 2021 thì chúng tôi phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm về vấn đề tiền bạc. Đã nhiều lần hoà giải nhưng không có kết quả. Tháng 9 năm 2021 chúng tôi đã không còn chung sống với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phan Văn X.

- Về con: Tôi và ông Phan Văn X có 01 con chung là Lê Bình A, sinh ngày 20.12.2021, Do ông Phan Văn X cho rằng không phải con chung nên tôi đã đăng ký khai sinh họ mẹ và không có tên cha nên cháu Lê Bình A là con riêng của tôi và tôi tự nuôi con và không có bất cứ yêu cầu gì về cháu Lê Bình A.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* **Bị đơn là ông Phan Văn X** không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

* **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm C kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn ông Phan Văn X không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của bà Lê Thị Cẩm C và ông Phan Văn X đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã được UBND phường Mân Thái xác nhận nên căn cứ vào Điều 51,56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm C.

Về con: bà Lê Thị Cẩm C khai nhận có 01 con chung là Lê Bình A, sinh ngày 20.12.2021 bà Châu khai nhận đây là con riêng của bà Châu nên bà không có yêu cầu gì nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Cẩm C xác nhận không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn bà Lê Thị Cẩm C và ông Phan Văn X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 16.8.2022 và cũng như phiên toà hôm nay Toà án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn ông Phan Văn X, nhưng ông Phan Văn X vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông Phan Văn X.

[2].Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm C và ông Phan Văn X thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Cẩm C và ông Phan Văn X kết hôn năm 2021 có đăng ký kết hôn tại UBND phường MT, quận S, TP. Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại K43/17 Phó Đức Chính, phường MT, quận S, TP Đà Nẵng.

Theo bà Lê Thị Cẩm C trình bày vợ chồng chung sống được 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm về vấn đề tiền bạc, mọi vấn đề liên quan đến thu nhập của hai vợ chồng thì người quyết định là gia đình chồng, từ đó vợ chồng xung đột nên bà Châu đã dọn về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 9 năm 2021. Nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên bà Châu đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn X.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên toà hôm nay ông Phan Văn X không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng điều này thể hiện ông Xin không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt này.

Theo xác minh tại UBND phường MT, quận S, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa bà Châu và ông Xin mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ nhưng hiện nay bà Châu và ông Xin không còn chung sống với nhau, bà Châu đã về sống tại nhà mẹ ruột của mình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Châu và ông Xin đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Châu yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con: Bà Lê Thị Cẩm C khai nhận có 01 con chung là Lê Bình A, sinh ngày 20.12.2021. Do ông Phan Văn X không thừa nhận là con chung nên bà Châu đã không đăng ký tên ông Phan Văn X trong giấy khai sinh nên bà Châu khai đây là con riêng của bà Châu. Ly hôn bà Châu không yêu cầu gì về cháu Lê Bình A nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà Lê Thị Cẩm C xác nhận không có nên HĐXX không xem xét.

Nếu sau này bà Châu và ông Xin có tranh chấp về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng bà Lê Thị Cẩm C phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 53, 54,56,58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Cẩm C đối với ông Phan Văn X

Tuyên xử: bà Lê Thị Cẩm C, sinh năm 1994, được ly hôn với ông Phan Văn X, sinh năm 1980.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32 của UBND phường MT, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 12.4.2021 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con: Bà Lê Thị Cẩm C khai nhận có con riêng là Lê Bình A, sinh ngày 20.12.2021. Bà Lê Thị Cẩm C không yêu cầu nên HĐXX không xem xét

3. Về tài sản chung, về nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Lê Thị Cẩm C phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003484 ngày 22.6.2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà Châu đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Sơn Trà;
- Chi cục Thi hành án Sơn Trà;
- UBND phường Mân Thái
q. Sơn Trà, TPĐN;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy

